

Số: 165/BC-UBND

Sơn Hà, ngày 24 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện năm 2024

1. Tình hình triển khai thực hiện

1.1. Phạm vi, đối tượng thụ hưởng của Chương trình

- Phạm vi thực hiện: trên địa bàn 13 xã thuộc huyện, cụ thể gồm (xã Sơn Linh, Sơn Giang, Sơn Cao, Sơn Hạ, Sơn Thành, Sơn Nham, Sơn Hải, Sơn Thủy, Sơn Kỳ, Sơn Ba, Sơn Thượng, Sơn Bao, Sơn Trung).

- Đối tượng thụ hưởng: là người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn thuộc các xã trên địa bàn huyện.

1.2. Công tác chỉ đạo điều hành

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của tỉnh, các văn bản hướng dẫn của các sở ngành phụ trách tiêu chí nông thôn mới tỉnh. UBND huyện đã ban hành 7 văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình¹, và một số văn bản chỉ đạo khác có liên quan.

Bên cạnh đó, từ đầu năm đến nay lãnh đạo UBND huyện tổ chức đoàn kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã Sơn Linh, Sơn Trung, Sơn Kỳ (xã nằm trong lộ trình về đích nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025) của huyện.

1.3. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (tính đến ngày 20/3/2024):

Đến thời điểm ngày 20/3/2024, tổng số tiêu chí nông thôn mới (theo bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025) là 178 tiêu chí/13 xã, bình quân mỗi xã đạt 13,7 tiêu chí. Cụ thể như sau: Toàn huyện có 3 xã đạt 19 tiêu chí (Sơn Thành, Sơn Hạ, Sơn Linh), 01 xã đạt 16 tiêu chí (xã Sơn Kỳ), 01 xã đạt 14 tiêu chí (Sơn Trung); 01 xã đạt 13 tiêu chí (xã Sơn Thủy), 03 xã đạt 12 tiêu chí (Sơn Ba, Sơn Giang, Sơn Bao), 02 xã đạt 11 tiêu chí (xã Sơn Hải, Sơn Cao), 03 xã đạt 10 tiêu chí (Sơn Nham, Sơn Thượng).

2. Công tác phân bổ vốn, tiến độ thực hiện và kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2024

¹ Các công văn số: 60/UBND-NN ngày 06/01/2024; Số 334/UBND-NN ngày 05/2/2024, số 415/UBND-NN ngày 21/02/2024, số 568/UBND-NN ngày 07/3/2024, Số 736/UBND – NN ngày 22/3/2024.

2.1. Tổng nguồn vốn đầu tư công thực hiện chương trình năm 2023:

Tổng số công trình thực hiện đầu tư công thực hiện chương trình là 44 công trình, với tổng kinh phí thực hiện là 34.776 triệu đồng, trong đó: vốn ngân sách Trung ương, tính là 34.168 triệu đồng, đã bố trí vốn lũy kế đến cuối năm 2023 là 32.461 triệu đồng. Hiện nay, đã thực hiện và giải ngân nguồn vốn 28.229 triệu đồng đạt 87% tổng vốn (*chi tiết có phụ lục 01 kèm theo*).

2.2. Về kế hoạch vốn đầu tư công 2024:

- Năm 2023 (bao gồm năm 2022) kéo dài sang năm 2024: Tổng số công trình được UBND tỉnh cho kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân trong năm 2024 (tại Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) thực hiện chương trình là 10 công trình, với tổng kinh phí là 16.100 triệu đồng, trong đó: vốn ngân sách Trung ương, tính là 15.900 triệu đồng, đã bố trí vốn đến cuối năm 2023 là 15.700 triệu đồng.

- Năm 2024: Từ nguồn vốn ngân sách trung ương được UBND tỉnh phân bổ. UBND huyện đã phân khai cho các xã để triển khai thực hiện với tổng kinh phí thực hiện là 05 công trình với tổng kinh phí là 1.400 triệu đồng, cụ thể:

- Công trình chuyển tiếp sang năm 2023 là 4 công trình, với tổng kinh phí thực hiện là 840 triệu đồng;

- Công trình xây dựng mới là 01 công trình với tổng kinh phí thực hiện 650 triệu đồng.

2.3. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công

- Năm 2023 (bao gồm năm 2022) kéo dài sang năm 2024: Đến tháng 2 năm 2024 đã thực hiện giải ngân 14.843 triệu đồng đạt tỷ lệ 79,3% tổng vốn.

- Năm 2024: Hiện nay UBND các xã đang triển khai thực hiện, chưa thực hiện giải ngân.

(cụ thể phụ lục 02 kèm theo)

- Bố trí, phân bổ nguồn lực: Trên cơ sở nguồn vốn được UBND tỉnh giao, UBND huyện đã thực hiện phân bổ kinh phí cho UBND các xã, các đơn vị liên quan đảm bảo theo quy định.

2.4. Số dự án khởi công mới và hoàn thành trong năm 2023 là 34 công trình (kể cả vốn chuyển tiếp năm 2022 chuyển sang)

- Số dự án năm 2023 (bao gồm năm 2022 kéo dài sang năm 2023) chuyển tiếp, trả nợ hoàn thành trong năm 2024: là 04 công trình.

- Số dự án triển khai trong năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024: là 10 công trình

- Số dự án khởi công mới năm 2024: 01 công trình.

3. Đánh giá chung

3.1. Thuận lợi

- Đã phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện sớm kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia (trong đó có Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới); kịp thời tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; các cơ quan truyền thông thường xuyên tuyên truyền, phản ánh các sự kiện thời sự, các điển hình tiên tiến về xây dựng nông thôn mới. Ủy ban MTTQVN huyện, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tổ chức tuyên truyền, vận động với nhiều hình thức, nhờ đó đã thu hút ngày càng nhiều các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Công tác phân bổ nguồn vốn đầu tư công được cho các đơn vị được thường xuyên, kịp thời.

- Các địa phương tích cực vận động, thực hiện bằng nhiều hình thức, việc làm thiết thực tác động đến tinh thần, ý thức người dân, nhờ đó người dân ngày càng tin tưởng, tích cực, chủ động tham gia đóng góp thực hiện xây dựng chương trình nông thôn mới.

3.2. Một số khó khăn, vướng mắc

- Đối với các xã trong kế hoạch về đích nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, việc bố trí vốn từ ngân sách Trung ương, tỉnh để thực hiện xây dựng nông thôn mới chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của huyện, việc lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình MTQG, dự án khác trên địa bàn còn khó khăn.

- Việc huy động nguồn vốn từ ngân sách huyện, xã trong thực hiện Chương trình còn hạn chế; người dân trên địa bàn chủ yếu là người đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống còn rất nhiều khó khăn nên việc huy động nguồn lực từ người dân để thực hiện Chương trình hầu như không có, chủ yếu dựa vào sự đầu tư, hỗ trợ từ nhà nước.

- Đối với các xã về đích nông thôn mới sau khi được công nhận sẽ không được hưởng chế độ chính sách từ các Chương trình MTQG khác như: Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 861/QĐ-TT-CP ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực”, cụ thể:

- + Các chính sách về bảo hiểm y tế;
- + Con em đồng bào DTTS không còn được hỗ trợ tiền, gạo;
- + Các trường không được hỗ trợ kinh phí để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng học tập, kinh phí nấu ăn,...;
- + Các chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức... điều không được hưởng;
- + Và các chính sách khác có liên quan.

4. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện trong thời gian đến:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và Nhân dân chung tay góp công, góp sức cùng với hệ thống chính trị địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Phát huy được vai trò chủ thể của người dân, phải làm cho người dân ý thức được vai trò chủ thể, chủ động, tự giác thực hiện, Nhà nước chỉ định hướng, hỗ trợ.

- Nâng cao hiệu quả nguồn lực đầu tư, lồng ghép hợp lý, chặt chẽ các nguồn vốn; huy động nguồn lực của địa phương, các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân và các nguồn vốn tín dụng... để thực hiện chương trình.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả nguồn vốn được phân bổ và đúng kế hoạch tiến độ đề ra.

5. Đề xuất, kiến nghị:

Để đảm bảo nguồn lực đầu tư cho các xã hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, UBND huyện Sơn Hà kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh xem xét, tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh nâng nguồn vốn hỗ trợ cho 03 xã xác định đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 và năm 2025 theo kế hoạch. Đối với phần vốn đối ứng ngân sách huyện, UBND huyện cam kết bố trí đủ theo tỷ lệ quy định và chỉ đạo UBND các xã bố trí đủ phần vốn đối ứng ngân sách xã theo quy định.

UBND huyện kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Các sở: KH&ĐT, NN&PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng: NN&PTNT, TC-KH;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đinh Thị Trà

Phụ lục 2
KẾT QUẢ GIẢI NGÂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN NĂM 2024

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh
(Kèm theo Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện)

ST T	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2023			Kế hoạch vốn đã bố trí năm 2024			Giải ngân đến thời điểm báo cáo			Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú	
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
								NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST					
																				NSTW			NST
							20.165	3.588	15.900	20.165	3.588	15.900	17.321	1.621	15.700	1.400	1.400	-	14.843	1.160	13.683	79,3	
A	Năm 2023 (bao gồm năm 2022) kéo dài sang năm 2024						16.100	-	15.900	16.100	-	15.900	15.700	-	15.700	-	-	-	13.683	-	13.683	87,2	
1	HTCNSH Trung tâm cụm xã Sơn Lĩnh, huyện Sơn Hà		2023-2024	500 hộ	UBND xã Sơn Lĩnh		3.000,0	-	3.000	3.000,0	-	3.000	2800		2800				1.488,5	-	1.488,5	53,2	
2	Trường Mẫu giáo Sơn Kỳ; Hạng mục: Xây dựng mới 2 phòng học tại điểm trường chính				UBND xã Sơn Kỳ		1.200,0		1.200	1.200,0		1.200	1.200		1.200				1.173,8		1.173,8	97,8	
3	Trường Tiểu học Sơn Kỳ; Hạng mục: xây dựng mới nhà chức năng 4 phòng 2 tầng và nhà vệ sinh học sinh				Ban Quản lý dự án ĐTXD&P TQĐ huyện		2.700,0		2.700	2.700,0		2.700	2.700		2.700				2.532,4		2.532,4	93,8	
4	Khu sinh hoạt thể thao xã Sơn Trung				Ban Quản lý dự án ĐTXD&P TQĐ huyện		2.300,0		2.300	2.300,0		2.300	2.300		2.300				1.886,0		1.886,0	82,0	
5	Trường Tiểu học Sơn Lĩnh; Hạng mục: Xây dựng 06 Phòng học bộ môn				Ban Quản lý dự án ĐTXD&P TQĐ huyện		3.100,0		2.900	3.100,0		2.900	2.900		2.900				2.889,1		2.889,1	99,6	
6	Trường Mầm non Sơn Ca; Hạng mục: Xây dựng mới 1 phòng học tại điểm trường Ka La, thôn Ka La.				UBND xã Sơn Lĩnh		600,0		600	600,0		600	600		600				595,3		595,3	99,2	
7	Trường TH và THCS Sơn Thủy; Hạng mục: Xây dựng 02 phòng học tại điểm Trường Giá Gỏi				UBND xã Sơn Thủy		1.200,0		1.200	1.200,0		1.200	1.200		1.200				1.193,2		1.193,2	99,4	
8	Trường TH và THCS Sơn Giang; Hạng mục: Xây dựng mới 01 phòng học tại điểm trường thôn Tà Đĩnh				UBND xã Sơn Giang		600,0		600	600,0		600	600		600				565,1		565,1	94,2	
9	Trường TH và THCS Sơn Giang; Hạng mục: Xây dựng mới 01 phòng học tại điểm trường thôn Làng Lũng				UBND xã Sơn Giang		600,0		600	600,0		600	600		600				579,9		579,9	96,6	
10	Nối tiếp bê tông xi măng đường nhà Bà Chanh - Gò Xếp				UBND xã Sơn Giang		800,0		800	800,0		800	800		800				779,5		779,5	97,4	
B	Năm 2024						4.065	3.588	-	4.065	3.588	-	1.621	1.621	-	1.400	1.400	-	1.160	1.160	-	38,4	
A	Công trình chuyển tiếp sang năm 2024						3.365	3.028	-	3.365	3.028	-	1.621	1.621	-	840	840	-	1.160	1.160	-	47,1	
1	Đường xã: thôn Kà Tu - đi thôn Đồng Reng		2022-2024	L=944,84m; 03 cống V75; 01 cống D100 và gia cố 874m rãnh thoát nước dọc	xã Sơn Hạ	88/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.111,1	1.000,0		1.111,1	1.000,0		580,0	580		300,0	300,0		400,0	400,0		45,5	
2	Đường xã: từ QL 24B - thôn Trường Ka		2022-2024	L=227,11m; mặt đường rộng 5,5m; BT mặt đường M350; gia cố lề	xã Sơn Hạ	89/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.111,1	1.000,0		1.111,1	1.000,0		580,0	580		300,0	300,0		400,0	400,0		45,5	

ST T	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2023			Kế hoạch vốn đã bố trí năm 2024			Giải ngân đến thời điểm báo cáo			Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú		
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
								NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST						
3	Đường xã: Xóm Nham - Đạ Đôn Hà Bắc		2022-2024	L=313,83m; 01 cống V75; và gia cố 135m rãnh thoát nước dọc	xã Sơn Hạ	90/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	698,0	628,2		698,0	628,2		200,8	201		100,0	100,0		100,0	100,0		33,2		
4	Kiến cố hóa kênh mương đập Vọt Ráy		2023-2025	Lđập=15,6m; Kênh tưới bằng BTCT L=200m, kênh đất L=141.18m, tổng chiều dài 341.18m; công trình trên kênh và 01 cống qua đường	UBND xã Sơn Thành	312/QĐ-UBND ngày 25/12/2022	444,4	400,0		444,4	400,0		260,0	260,0		140,0	140		260,0	260,0		65,0		
II Công trình khởi công mới năm 2025								700	560	0	700	560	0	0	0	0	560	560	0	-	-	-	-	
1	Đường nhà ông trợ đi nhà ông dón (Làng Vệt)				UBND xã Sơn Thành	27/QĐ-UBND ngày 10/3/2024	700	560		700	560		0	0	0	560	560		-			-		

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN NĂM 2023
 Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh
 (Kèm theo Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện)

ST T	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm			Giải ngân đến thời điểm báo cáo			Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú				
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
								NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW			NST			
	Tổng số						34.776	3.668	30.500		34.776	3.668	30.500		32.461	2.261	30.200		28.229	1.796	26.433	87,0	
A	Công trình chuyển tiếp sang năm 2023						2.920	2.628	-		2.920	2.628	-		1.361	1.361	-		900	900,0	-	66,1	
I	Xã Sơn Hạ						2.920	2.628	-		2.920	2.628	-		1.360,8	1.361	-		900	900,0	-	66,1	
1	Đường xã thôn Ká Tu - đđ thôn Đông Reng		2022-2024	L=944,84m; 03 cống V75; 01 cống D100 và gia cố 874m rãnh thoát nước dọc	xã Sơn Hạ	88/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.111,1	1.000,0			1.111,1	1.000,0			580,0	580			400,0	400,0		69,0	
2	Đường xã từ QL 24B - thôn Trương Ka		2022-2024	L=227,11m; mặt đường rộng 5,5m; BT mặt đường M350; gia cố lề	xã Sơn Hạ	89/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.111,1	1.000,0			1.111,1	1.000,0			580,0	580			400,0	400,0		69,0	
3	Đường xã Xóm Nham - Đá Đen Há Bắc		2022-2024	L=313,83m; 01 cống V75; và gia cố 135m rãnh thoát nước dọc	xã Sơn Hạ	90/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	698,0	628,2			698,0	628,2			200,8	201			100,0	100,0		49,8	
B	Công trình khởi công mới năm 2023						1.155,6	1.040,0	-		1.155,6	1.040,0	-		900,0	900,0	-		896,2	896,2	-	99,6	
1	Đường BTXM nhà ông Nghĩa đi Gò pù rầy (nối tiếp)		2023	L=195m; mặt đường BTXM M250, đá 2x4 dày 20cm + hệ thống thoát nước	UBND xã Sơn Thành	310/QĐ-UBND ngày 25/12/2022	355,6	320,0			355,6	320,0			320,0	320,0			319,8	319,8		99,9	
2	Làm mới kênh mương Xã Trạch đến cánh đồng Bờ Rầy		2023	Chiều dài kênh bê tông L=321.81m và công trình trên kênh	UBND xã Sơn Thành	311/QĐ-UBND ngày 25/12/2022	355,6	320,0			355,6	320,0			320,0	320,0			316,4	316,4		98,9	
3	Kiên cố hóa kênh mương đập Vọt Rầy		2023-2025	Lđập=15,6m; Kênh tưới bằng BTCT L=200m, kênh đất L=141.18m, tổng chiều dài 341.18m; công trình trên kênh và 01 cống qua đường	UBND xã Sơn Thành	312/QĐ-UBND ngày 25/12/2022	444,4	400,0			444,4	400,0			260,0	260,0			260,0	260,0		100,0	
*	NS TÌNH HỒ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT VSMT (THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI)						8.000,0	-	8.000		8.000,0	-	8.000		7.700	-	7.700		4.888	-	4.888,5	63,5	
I	Xã Sơn Hải						5.000,0	-	5.000		5.000,0	-	5.000		4.900	-	4.900		3.400	-	3.400,0	69,4	
1	HTCNSH thôn Làng Lành, xã Sơn Hải		2022-2023	350 hộ	UBND xã Sơn Hải	148/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	5.000,0	-	5.000		5.000,0	-	5.000		4900	-	4900		3.400,0	-	3.400,0	69,4	
II	Xã Sơn Linh						3.000,0	-	3.000		3.000,0	-	3.000		2.800	-	2.800		1.488	-	1.488,5	53,2	
1	HTCNSH Trung tâm cụm xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà		2023-2024	500 hộ	UBND xã Sơn Linh	.../QĐ-UBND ngày 25/12/2022	3.000,0	-	3.000		3.000,0	-	3.000		2800	-	2800		1.488,5	-	1.488,5	53,2	
*	NS TÌNH HỒ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (QĐ số 376/QĐ-UBND ngày 16/5/2023)						22.700,0	-	22.500		22.700,0	-	22.500		22.500	-	22.500		21.544	-	21.544	95,8	
1	Xã Sơn Kỳ						5.000,0	-	5.000,0		5.000,0	-	5.000,0		5.000	-	5.000		4.786	-	4.785,8	95,7	
-	Nhà văn hóa thôn Nước Lác				UBND xã Sơn Kỳ		1.100,0	-	1.100		1.100,0	-	1.100		1.100	-	1.100		1.079,6	-	1.079,6	98,1	
-	Trường Mẫu giáo Sơn Kỳ; Hàng mục: Xây dựng mới 2 phòng học tại điểm trường chính				UBND xã Sơn Kỳ		1.200,0	-	1.200		1.200,0	-	1.200		1.200	-	1.200		1.173,8	-	1.173,8	97,8	

-	Trường Tiểu học Sơn Kỳ; Hàng mục: Xây dựng mới nhà chức năng 4 phòng 2 tầng và nhà vệ sinh học sinh			Ban Quản lý dự án ĐTXD&P TQĐ huyện	2.700,0		2.700	2.700,0		2.700	2.700		2.700	2.532,4		2.532,4	93,8
2	Xã Sơn Trung				6.000,0	-	6.000,00	6.000,0	-	6.000,00	6.000	-	6.000	5.513	-	5.512,8	91,9
-	Khu sinh hoạt thể thao xã Sơn Trung			Ban Quản lý dự án ĐTXD&P TQĐ huyện	2.300,0		2.300	2.300,0		2.300	2.300		2.300	1.886,0		1.886,0	82,0
-	Trường TH&THCS Sơn Trung; Hàng mục: Phòng đa chức năng			UBND xã Sơn Trung	1.000,0		1.000	1.000,0		1.000	1.000		1.000	980,8		980,8	98,1
-	Đường bà Nê ông Giêng thôn Tà Mâu			UBND xã Sơn Trung	900,0		900	900,0		900	900		900	881,3		881,3	97,9
-	Đường BTXM Mang Cảnh - xóm Làng Rin (nối tiếp)			UBND xã Sơn Trung	800,0		800	800,0		800	800		800	783,3		783,3	97,9
-	Đường BTXM ông Thấp - xóm ông Phò (cũ) (đoạn từ nhà ông Bách đến nhà ông Thê)			UBND xã Sơn Trung	1.000,0		1.000	1.000,0		1.000	1.000		1.000	981,4		981,4	98,1
3	Xã Sơn Linh				3.700,0	-	3.500,00	3.700,0	-	3.500,00	3.500	-	3.500	3.484	-	3.484,4	99,6
-	Trường Tiểu học Sơn Linh; Hàng mục: Xây dựng 06 Phòng học bộ môn			Ban Quản lý dự án ĐTXD&P TQĐ huyện	3.100,0		2.900	3.100,0		2.900	2.900		2.900	2.889,1		2.889,1	99,6
-	Trường Mầm non Sơn Ca; Hàng mục: Xây dựng mới 1 phòng học tại điểm trường Ka La, thôn Ka La.			UBND xã Sơn Linh	600,0		600	600,0		600	600		600	595,3		595,3	99,2
4	Xã Sơn Thủy				2.000,0	-	2.000,00	2.000,0	-	2.000,00	2.000	-	2.000	1.976	-	1.976,0	98,8
-	Đường BTXM từ QL 24B - Hoắc Cam (đoạn từ nhà ông Ngừa đến nhà ông Ka Năm)			UBND xã Sơn Thủy	800,0		800	800,0		800	800		800	782,8		782,8	97,8
-	Trường TH và THCS Sơn Thủy; Hàng mục: Xây dựng 02 phòng học tại điểm Trường Giã Gói			UBND xã Sơn Thủy	1.200,0		1.200	1.200,0		1.200	1.200		1.200	1.193,2		1.193,2	99,4
5	Xã Sơn Giang				2.000,0	-	2.000,00	2.000,0	-	2.000,00	2.000	-	2.000	1.924	-	1.924,4	96,2
-	Trường TH và THCS Sơn Giang; Hàng mục: Xây dựng mới 01 phòng học tại điểm trường thôn Tà Đĩnh			UBND xã Sơn Giang	600,0		600	600,0		600	600		600	565,1		565,1	94,2
-	Trường TH và THCS Sơn Giang; Hàng mục: Xây dựng mới 01 phòng học tại điểm trường thôn Làng Lũng			UBND xã Sơn Giang	600,0		600	600,0		600	600		600	579,9		579,9	96,6
-	Nối tiếp bê tông xi măng đường nhà Bà Chanh - Gò Xếp			UBND xã Sơn Giang	800,0		800	800,0		800	800		800	779,5		779,5	97,4
6	Xã Sơn Hải				2.000,0	-	2.000,00	2.000,0	-	2.000,00	2.000	-	2.000	1.900,9	-	1.900,9	95,0
-	Trường Mẫu giáo Sơn Hải; Hàng mục: Xây dựng mới 02 phòng học			UBND xã Sơn Hải	1.200,0		1.200	1.200,0		1.200	1.200		1.200	1.115,7		1.115,7	93,0
-	Đường BTXM từ QL24B - nhà ông Lê Văn Sơn đến nhà ông Đĩnh Văn Rằm, thôn Gò Sim			UBND xã Sơn Hải	800,0		800	800,0		800	800		800	785,2		785,2	98,1
7	Xã Sơn Thượng				2.000,0	-	2.000,00	2.000,0	-	2.000,00	2.000	-	2.000	1.960	-	1.959,8	98,0
-	Đường BTXM ngã ba Gò Đa đi Làng Trang (nối tiếp)			UBND xã Sơn Thượng	1.000,0		1.000	1.000,0		1.000	1.000		1.000	981,9		981,9	98,2
-	Trường tiểu học Sơn Thượng; Hàng mục: Xây dựng mới 2 phòng học tại điểm trường tiểu học Làng Vách thôn Tà Pa			UBND xã Sơn Thượng	1.000,0		1.000	1.000,0		1.000	1.000		1.000	977,9		977,9	97,8